

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04/4/2025
V/v: ly hôn, con chung, xác nhận cha cho con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Văn

2. Ông Đỗ Văn Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 237/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung, xác nhận cha cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị kết hôn cùng anh Hoàng Văn C năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T; trước khi kết hôn chị và anh C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện; sau khi kết hôn chị và anh C chung sống tại A, T.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do anh C nghiện ma túy nên đến năm 2014 chị ly thân anh C về nhà đẻ ở N sinh sống vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay; nay xác định vợ chồng không còn chị xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là Hoàng Thái S, sinh ngày 13/11/2013, hiện học lớp 3C trường Tiểu học xã N, đang ở với anh C và Hoàng Thái H1, sinh ngày 18/10/2016 hiện đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng Thái H1, anh C nuôi cháu Hoàng Thái S; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

Ngoài ra trong quá trình ở tại A chị có quen biết với anh T vào năm 2023 và có sinh một người con là Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 01/5/2024, hiện đang ở với chị, chị xác định đây là con của chị và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang; **chị đề nghị chị được tiếp tục nuôi dưỡng.**

Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác chung, chị không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Hoàng Văn C trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã A; trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn; sau khi kết hôn anh và chị H chung sống ở gia đình anh một thời gian rồi chuyển về nhà chị H ở A, T, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau bất đồng quan điểm, anh và chị H đã ly thân từ 2015, đến nay không còn quan tâm đến nhau; nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý;

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung là Hoàng Thái S, sinh năm 2013 hiện đang ở với anh, sau khi ly hôn anh đề nghị giao cho anh nuôi dưỡng; cháu Hoàng Thái H1, sinh ngày 18/10/2016 và Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 01/5/2024 không phải là con của anh với chị H, anh không có căn cứ chứng minh việc cháu H1 và cháu T1 không phải là con anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng vay nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:* Năm 2023, anh có quen biết và quan hệ tình cảm với chị H có sinh một người con là Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 01/5/2024, anh xác định đây là con của anh và chị Nguyễn Thị H, anh là cha đẻ của cháu T1, anh đã đưa cháu Thùy T1 đi giám định Gen, ngày 26/8/2024 Công ty Cổ phần D có kết luận anh và cháu Thùy T1 có quan hệ cha con, do đó anh đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu T1, cháu T1 là con đẻ của anh.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 91, Điều 101, Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi cháu Hoàng Thái H1, sinh ngày 18/10/2016, giao cháu Hoàng Thái S, sinh ngày 13/11/2013 cho anh Hoàng Văn C chăm sóc nuôi dưỡng.

Xác định anh Nguyễn Văn T là cha đẻ của cháu Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 01/5/2024; giao cháu T1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn C. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, 238, Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C, yêu cầu giải quyết nuôi con chung, anh T yêu cầu xác định cha cho con. Căn cứ Điều 51, Điều 81, Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung, xác định cha cho con*”.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh C đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang và tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ

chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nên xác định hôn nhân giữa chị H, anh C là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H, anh C đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không còn niềm tin ở nhau, mặc dù đã hòa giải, hàn gắn nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung, hiện hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân đã lâu. Do đó, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị H, được ly hôn anh C là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung:

Anh Hoàng Văn C không thừa nhận cháu Hoàng Thái H1 là con chung giữa anh và chị H, tuy nhiên anh C không có tài liệu chứng minh, cháu Hậu sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H, anh C do đó xác định chị H, anh C có 02 con chung Hoàng Thái S, sinh ngày 13/11/2013, và Hoàng Thái H1, sinh ngày 18/10/2016; sau khi ly hôn chị H, anh C cùng thống nhất chị H nuôi cháu H1, anh C nuôi cháu S mặt khác hiện nay cháu S đang ở với anh C, cháu H1 đang ở với chị H do vậy để ổn định tâm lý tránh sự xáo trộn không cần thiết cho các cháu nên cần giao cháu H1 cho chị H, giao cháu S cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu xác định cha con của anh Nguyễn Văn T: Căn cứ lời trình bày của chị H, và anh T thể hiện, năm 2023 khi chị H ly thân với anh C, chị H có quan hệ tình cảm với anh T và sinh ra cháu Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 01/5/2024. Căn cứ vào kết quả giám định ADN, ngày 26/8/2024 Công ty Cổ phần D có kết luận anh Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Thùy T1 có quan hệ huyết thống cha con do đó đủ căn cứ xác định cháu Nguyễn Thùy T1 là con anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T là cha đẻ của cháu T1; cháu T1 đang ở với chị H và dưới 36 tháng tuổi nên tiếp tục giao cháu T1 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh C không yêu cầu do vậy không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, vay nợ: Chị H, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh T được miễn án phí xác nhận cha con.

[8] Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 91, Điều 101, Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thái H1, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Nguyễn Thị H, giao cháu Hoàng Thái S, sinh ngày 13/11/2013 cho anh Hoàng Văn C chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Xác định anh Nguyễn Văn T là cha đẻ của cháu Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 01/5/2024; tiếp tục giao cháu Nguyễn Thùy T1 cho chị H nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001402 ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Anh Nguyễn Văn T được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thị xã Việt Yên;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã An Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hữu Luyện

